TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/DS - ST
Ngày: 13 - 4 - 2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Tú Anh

Ông Trần Thanh Khen

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long *tham gia phiên toà:* Bà Trần Khánh Linh - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 108/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2026/QĐXXST - DS ngày 05 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 334/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H (viết tắt H)

Địa chỉ: B Bis N, phường S, Thành Phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Hữu Đ là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc H)

Ông Lê Trọng P (vắng mặt) và ông Lê Anh T (có mặt) là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Theo giấy ủy quyền số 36/2025/UQ-HDB ngày 06/11/2025)

- *Bị đơn*:

Ông Lê Văn D, sinh năm 1961 (vắng mặt)
Bà Nguyễn Kim T1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số F, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 08/9/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố H (viết tắt H) và ông Lê Văn D, bà Nguyễn Kim T1 có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 19068/23MN/HĐTD ngày 31/7/2023. Thời hạn hợp đồng 60 tháng (từ ngày 31/07/2023 đến ngày 31/07/2028), mỗi khế ước nhận nợ thời hạn 12 tháng:

Mục đích vay: Bổ sung vốn nuôi cá rô

Phương thức trả lãi: Hàng quý; phương thức trả gốc: 12 tháng trả vốn gốc 1 lần. Lãi trong hạn: 12%/năm, Lãi quá hạn: 150% lãi trong hạn, Lãi phạt chậm trả lãi trong hạn: 10%/năm

- Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 19068/23MN/HĐTD/KUNN02 ngày 23/07/2024.

Vay số tiền 700.000.000đ

Ngày giải ngân: 23/7/2024

Thời hạn vay: 12 tháng (ngày đến hạn 23/7/2025)

- Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 19068/23MN/HDTD/KUNN03 ngày 24/07/2024.

Vay số tiền 800.000.000đ

Ngày giải ngân: 24/7/2024

Thời hạn vay: 12 tháng (ngày đến hạn 24/7/2025)

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên theo hợp đồng thế chấp số 14476/23MN/HĐBĐ ngày 31/7/2023 đã đăng ký thế chấp gồm:

+ Quyền sử dụng đất (viết tắt QSDĐ) và tài sản gắn liền với đất thửa số 327, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.276,3m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) do bà Nguyễn Kim T1 đứng tên QSDĐ, số giấy chứng nhận CS 09564.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 323, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.959,7m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) do bà Nguyễn Kim T1 đứng tên QSDĐ, số giấy chứng nhận CS 09560.

Trong quá trình vay từ ngày giải ngân ngày 23/07/2024 ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 đã thanh toán theo khế ước nhận nợ 11964/23MN/HDTD/KUNN02 ngày 23/7/2024 cho H tổng số tiền lãi 22.632.775 đồng và theo khế ước nhận nợ số

11964/23MN/HDTD/KUNN03 ngày 24/7/2024 đã thanh toán cho H tổng số tiền lãi 24.531.359 đồng, kể từ đó đến nay thì không thanh toán.

Do bà T1 và ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 24/7/2025 H chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn.

Tại phiên toà: H yêu cầu ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 liên đới trách nhiệm trả cho H số nợ tính đến ngày 13/4/2026 là: 1.872.207.130đ (trong đó: Nợ gốc: 1.500.000.000đ, Nợ lãi trong hạn: 145.264.215đ, Nợ lãi quá hạn: 212.758.356đ, lãi phạt chậm trả lãi trong hạn: 14.184.559đ) và yêu cầu ông D và bà T1 tiếp tục trả cho H số tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 14/4/2026 cho đến khi ông D và bà T1 trả hết nợ cho H theo mức lãi suất nợ quá hạn đã được các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay, cùng các Khế ước nhận nợ đã ký giữa H với ông Lê Văn D, bà Nguyễn Kim T1.

Trường hợp ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì H yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 14476/23MN/HĐBĐ ký kết ngày 31/07/2023 để thi hành án.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim T1 có bản tự khai ngày 06/11/2025 như sau:

Bà T1 thừa nhận bà và ông D có ký Hợp đồng vay vốn với H để vay số tiền gốc 1.500.000.000đ và ký hợp đồng thế chấp số 14476/23MN/HĐBĐ ngày 31/7/2023, tài sản thế chấp là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất thửa số 327, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.276,3m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M) do Nguyễn Kim T1 đứng và QSDĐ và tài sản gắn liền với đất thửa số 323, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.959,7m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M) do chị Nguyễn Kim T1 đứng tên. Bà T1 và ông D đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản vay nêu trên nhưng hiện nay làm ăn gặp khó khăn nên ông D và bà T1 xin thỏa thuận với nguyên đơn được giảm lãi lãi suất hiện tại, sẽ trả phần lãi quá hạn, cam kết sau 06 tháng sẽ tất toán hồ sơ vay và trong thời gian này sẽ đóng lãi suất đúng theo lộ trình của Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Điều 26, 35, 39, 147, 157, 227, 228 Bộ luật LTTDS; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H.

Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 13/4/2026 là 1.872.207.130đ (trong đó: Nợ gốc: 1.500.000.000đ. Nợ lãi trong hạn: 145.264.215đ, lãi quá hạn: 226.942.915đ). Ngoài ra ông D và bà T1 tiếp tục trả tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 14/4/2026 theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông D và bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì H được yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 14476/23MN/HĐBĐ ký kết ngày 31/07/2023.

Về chi phí tố tụng: ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 nộp 1.900.000đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Về án phí: ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 phải nộp 68.166.213 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp "Hợp đồng tín dụng". Bị đơn có nơi cư trú tại phường T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H kiện đòi ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 trả cho H số tiền vay gốc và lãi tính đến ngày

13/4/2026 là 1.872.207.130đ; yêu cầu ông D và bà T1 tiếp tục trả cho H số tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc kể từ ngày 14/4/2026 cho đến khi ông D và bà T1 trả hết nợ cho H theo mức lãi suất nợ quá hạn đã được các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay, cùng các Khế ước nhận nợ đã ký giữa H với ông Lê Văn D, bà Nguyễn Kim T1 và yêu cầu trường hợp ông D và bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì H yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 14476/23MN/HĐBĐ ký kết ngày 31/07/2023 để thi hành án là có cơ sở chấp nhận toàn bộ bởi lẽ:

- Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 19068/23MN/HĐTD ngày 31/7/2023 (BL03-06), Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 19068/23MN/HĐTD/KUNN02 ngày 23/07/2024 (BL 09-10), Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 19068/23MN/HDTD/KUNN03 ngày 24/07/2024 (BL07-08) mà H cung cấp cho Tòa án thể hiện ông D và bà T1 đã được H cho vay tổng số tiền 1.500.000.000đ. Trong hợp đồng tín dụng hạn mức và khế ước nhận nợ các bên cũng đã thoả thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi suất trong hạn, thoả thuận này phù hợp theo quy định tại Điều Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Ông D và bà T1 đã trả cho H số tiền lãi 47.164.134đ thì không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho H, tính đến ngày 13/4/2026 ông D và bà T1 còn nợ H số tiền gốc và lãi là 1.872.207.130đ

- Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 14476/23MN/HĐBĐ ngày 31/7/2023 (BL 32-37) đã được ký kết giữa H và ông Lê Văn D, bà Nguyễn Kim T1; Hợp đồng thế chấp được chứng thực và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện B ngày 31/7/2023 (BL 29-31) đúng theo quy định pháp luật. Tài sản thế chấp là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất thửa số 327, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.276,3m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) do bà Nguyễn Kim T1 đứng tên quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN CS09564 và QSDĐ và tài sản gắn liền với đất thửa số 323, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.959,7m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) do bà Nguyễn Kim T1 đứng tên quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN CS09560

- Trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 có bản khai thừa nhận: bà và ông D có ký với H hợp đồng tín dụng số 19068/23MN/HĐTD ngày 31/7/2023 và Hợp đồng thế chấp số 14476/23MN/HĐBĐ ký kết ngày 31/07/2023 để vay số tiền gốc là 1.500.000.000đ, tài sản thế chấp là QSDĐ và tài sản gắn liền với đất thửa số 327, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.276,3m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) do Nguyễn Kim T1 đứng tên và QSDĐ và tài sản gắn liền với đất thửa số 323, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.959,7m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) do Nguyễn Kim T1 đứng tên. Bà T1 đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của H nhưng do làm ăn gặp khó khăn nên bà T1 xin được H giảm lãi và thời gian

trả nợ vay, đây là chứng cứ không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc: Ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm trả cho H số tiền nợ tính đến ngày 13/4/2026 là 1.872.207.130đ (trong đó: nợ gốc: 1.500.000.000đđ; lãi trong hạn: 145.264.215đ; lãi quá hạn: 212.758.356đ, lãi phạt chậm trả lãi trong hạn: 14.184.559đ).

+ Buộc ông D và bà T1 phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/4/2026 cho đến khi ông D và bà T1 thanh toán xong khoản nợ cho H.

+ Trường hợp, ông D và bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì H có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 14476/23MN/HĐBĐ ký kết ngày 31/07/2023, tài sản thế chấp gồm có:

- QSDĐ và tài sản gắn liền với đất thửa số 327, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.276,3m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) do bà Nguyễn Kim T1 đứng tên quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN CS09564

- QSDĐ và tài sản gắn liền với đất thửa số 323, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.959,7m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) do bà Nguyễn Kim T1 đứng tên quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN CS 09560

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.900.000đ. H đã tạm ứng chi phí này cho Tòa án, nên buộc ông D và bà T1 phải trả lại 1.900.000đ cho H.

[5] Về án phí: Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 phải chịu 68.166.213đ (làm tròn 68.166.000đ) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 317, 318, 319, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 157, 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H.

- Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H số tiền nợ tính đến ngày 13/4/2026 gồm: nợ gốc 1.500.000.000đ; lãi trong hạn: 145.264.215đ; lãi quá hạn: 212.758.356đ, lãi phạt chậm trả lãi trong hạn: 14.184.559đ, tổng cộng là 1.872.207.130đ (Một tỷ, tám trăm bảy mươi hai triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, một trăm ba mươi đồng)

- Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 phải tiếp tục trả lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn tính trên số nợ gốc mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/4/2026 cho đến khi ông D và bà T1 thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H.

- Trường hợp, ông D và bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 14476/23MN/HĐBĐ ký kết ngày 31/07/2023, tài sản thế chấp gồm có:

- QSDĐ và tài sản gắn liền với đất thửa số 327, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.276,3m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) do bà Nguyễn Kim T1 đứng tên quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN CS09564

- QSDĐ và tài sản gắn liền với đất thửa số 323, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.959,7m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, toạ lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã M, tỉnh Vĩnh Long) do bà Nguyễn Kim T1 đứng tên quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN CS09560

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ: Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chổ là 1.900.000đ. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H đã tạm ứng chi phí này cho Tòa án, nên buộc ông D và bà T1 phải trả lại 1.900.000đ (một triệu, chín trăm nghìn đồng) cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Văn D và bà Nguyễn Kim T1 phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật là 68.166.000đ (Sáu mươi tám triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.070.000đ (ba mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003726 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành Phố H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn D, bà Nguyễn

Kim T1 được quyền kháng cáo bản trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long;
- THA Dân sự tỉnh VL (Phòng THA khu vực 1-VL);
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú